

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17/08/2021

“V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Tranh.
2. Bà Đào Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số 289/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn M - sinh năm 1991.

ĐKKHKT: Đội a, khu MT, phường MN, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Triệu Thị M - sinh năm 2000.

ĐKKHKT: Đội a, khu MT, phường MN, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa.

(Anh M và chị M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, nguyên đơn là Anh Lê Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Triệu Thị M có đăng ký kết hôn ngày 9/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm với chị M không còn nên anh M1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh M1 xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh M1 đều xác định vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là Chị Triệu Thị M cũng thừa nhận việc anh M1 khai về trình tự thủ tục đăng ký kết hôn là đúng. Chị xác định sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M1 xin ly hôn chị cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị Triệu Thị M cũng xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Triệu Thị M đều xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và trình tự thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về việc xin ly hôn giữa Anh Lê Văn M và Chị Triệu Thị M là tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ 12, khu 1, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, chỗ ở hiện nay của chị M là ở bản A, xã B, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa, cả hai bên đương sự có đơn xin lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết, nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh M1 và chị M đã có bản tự khai hoàn toàn thống nhất việc thuận tình ly hôn với nhau. Tòa án đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng của cho các đương sự. Chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay cả anh M1 và chị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, trong hồ sơ đã thể hiện đầy đủ quan điểm của anh M1 và chị M nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh M1 và chị M.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xem xét quan hệ hôn nhân giữa anh M1 và chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh M1 và chị M tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nay anh M1 xét thấy tình cảm không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị M. Sau khi xem xét đơn ly hôn của anh M1 và các tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống chung của anh M1 và chị M có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện nay hai anh chị đã

sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều này được thể hiện qua lời khai của anh M1 cũng như của chị Muội. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh M1 và chị M cũng vẫn giữ nguyên quan điểm như tại lời khai và cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân của anh M1 và chị M trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M1 có yêu cầu ly hôn, chị M đồng ý ly hôn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh M1 và chị M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh M1 và chị M thống nhất xác định vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh M1 và chị M xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Mạnh, chị M phải chịu 50% của 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Do Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Lê Văn M và chị Triệu Thị M.

[2] Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Anh Lê Văn M xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận Anh Lê Văn M đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/0000508 ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì). Hoàn lại cho anh Lê Văn Mạnh số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn).

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn M và Chị Triệu Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho anh M, chị M hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Việt Trì;
- VKSND TP. Việt Trì;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;;
- Các đương sự;
- UBND phường MP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm